

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 6 - 2024
V/v tranh chấp về yêu cầu
không công nhận quan hệ
vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Bé Ngọc.
- Ông Võ Xuân Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hol - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Hồng Đ, sinh năm: 1997. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1997. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2024 nguyên đơn chị Phan Thị Hồng Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B tổ chức lễ cưới vào năm 2023 sau đó sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chị và anh chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh B.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không thể hiện ý kiến.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp cho Tòa án: Bản tự khai của nguyên đơn, bản sao Căn cước công dân của nguyên đơn, Đơn xin xác nhận địa chỉ cư trú của bị đơn, Đ1 xin xác nhận về việc không có đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không chứng minh được vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Hồng Đ giữ nguyên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn B. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang với nội dung: Từ năm 2023 đến nay tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang không có tên Phan Thị Hồng Đ và Nguyễn Văn B trong sổ, bộ đăng ký kết hôn. Bị đơn anh B vắng mặt và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó, có cơ sở để kết luận chị Đ và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2023 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Luật Hôn nhân và gia đình) quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”*. Vì vậy, hôn nhân giữa chị Đ và anh B là không có giá trị pháp lý. Tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.”*. Bên cạnh đó, tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“[...] Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.”*. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn chị Phan Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Văn B.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2024; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Văn B.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị Hồng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị Phan Thị Hồng Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000869 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Phan Thị Hồng Đ không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Ánh Trúc